

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Lan và Ông Hoàng Công Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1996; nơi ĐKKHKT: thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị (Thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ); chỗ ở hiện nay: xóm B, thôn C, phường T, tỉnh Hưng Yên (Xóm B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình cũ). Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1990; địa chỉ: thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị (Thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và Đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 06 tháng 7 năm 2017. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ

không chịu khó làm ăn, bài bạc, rượu chè. Vì không chung sống được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Bình M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017; nguyện vọng của chị sau ly hôn là được trực tiếp chăm sóc nuôi, dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Minh Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập nhưng anh Đ không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả như sau:

Tại Công an xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là Công xã N, tỉnh Quảng Trị) xác định: “Công dân Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1990, có CCCD số 044090010459, đăng ký cư trú tại thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị); hiện đang có mặt, làm ăn, sinh sống tại địa phương”.

Tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã N, tỉnh Quảng Trị) xác định: “UBND đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập các lần đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tổng đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Minh Đ”.

Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên toà nhưng anh Đ vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Toà án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập anh Đ đến tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định; nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B để xử cho chị B được ly hôn với anh Đ; căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Bình M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Minh Đ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ có đăng ký cư trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị); căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Nay là tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị).

Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do đủ đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, không vi phạm điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của hai người là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của chị B và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vợ chồng sau kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không chịu khó làm ăn, rượu chè, bài bạc. Không sống chung được nên vợ chồng đã ly thân vào năm 2023.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị B, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Từ đó thấy hôn nhân giữa chị B và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị B, xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị B trình bày có một con chung là Nguyễn Bình M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có ý kiến, nguyện vọng nuôi con. Do đó, cần giao con chung Nguyễn Bình M cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị B, xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Bình M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Minh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003565 ngày 16 tháng 5 năm 2025, chị B đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- Cơ quan THA tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Nam Gianh, t. Quảng Trị (GCNKH số 50 ngày 06/7/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

